

A BIBLIOMETRIC ANALYSIS OF RESEARCH RELATED TO THE MONTESSORI METHOD IN EARLY CHILDHOOD EDUCATION

Mai Thi Cam Nhung

The University of Danang - University of Science and Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	20/9/2024	The study conducted a bibliometric analysis of 266 publications published in the Scopus database from 1912 to 2024 to assess the research landscape surrounding the Montessori method in early childhood education. VOSviewer software was utilized to process the data and generate visual representations of the findings from articles, authors, publication rates over time, citation counts, and the prevalence of key research themes. Analysis of publication trends from 57 countries revealed instability in the number of publications in the past, and a significant uptick in article production between 2011 and 2024. Citation data highlighted a tendency towards multi-author publications in high-impact journals, with certain works receiving substantial citations across different periods, notably, Lillard AS emerged as a prominent figure in the field. The results also identify untapped aspects of related research topics, indicating potential avenues for future investigation. These findings are crucial for researchers, educators, and policymakers as they navigate future research directions and practical applications in Montessori education.
Revised:	21/10/2024	
Published:	21/10/2024	
KEYWORDS		
Bibliometric		
Method		
Montessori		
Early childhood education		
Scopus		

PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG CÁC NGHIÊN CỨU VỀ PHƯƠNG PHÁP MONTESSORI TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

Mai Thị Cẩm Nhung

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	20/9/2024	Nghiên cứu này tiến hành phân tích trắc lượng thư mục 266 ấn phẩm được xuất bản trong cơ sở dữ liệu Scopus từ năm 1912 đến 2024 để đánh giá tổng quan các nghiên cứu về phương pháp Montessori trong giáo dục mầm non. Phần mềm VOSviewer được sử dụng để xử lý dữ liệu và tạo ra các biểu diễn trực quan về các phát hiện từ số liệu bài báo, tác giả, tỷ lệ xuất bản theo thời gian, số lượng trích dẫn và mức độ phổ biến của các chủ đề nghiên cứu chính. Kết quả phân tích tài liệu xuất bản từ 57 quốc gia cho thấy sự không ổn định về số lượng bài báo trong quá khứ và sự gia tăng mạnh mẽ các công bố từ năm 2011 đến năm 2024. Dữ liệu trích dẫn xác định các công bố trên các tạp chí của nhiều tác giả có hệ số tác động cao, ảnh hưởng lớn với những công trình được trích dẫn qua các giai đoạn, trong đó nổi bật là Lillard AS. Kết quả nghiên cứu còn nhận diện các khía cạnh chưa được khai thác trong các chủ đề nghiên cứu liên quan, chỉ ra những tiềm năng cho hướng nghiên cứu mới trong tương lai. Những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà nghiên cứu, giáo dục và hoạch định chính sách trong nghiên cứu và thực hành giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non.
Ngày hoàn thiện:	21/10/2024	
Ngày đăng:	21/10/2024	
TỪ KHÓA		
Trắc lượng		
Phương pháp		
Montessori		
Giáo dục mầm non		
Scopus		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11152>

Email: mtcnhung@ued.udn.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

415

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Phương pháp giáo dục Montessori được phát triển bởi Maria Montessori vào đầu thế kỷ 20, đã và đang trở thành một trong những phương pháp giáo dục mầm non (GDMN) được nghiên cứu và áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia [1]. Phương pháp này nhấn mạnh việc tạo ra môi trường học tập tự do, tôn trọng sự phát triển tự nhiên và khuyến khích tính độc lập của trẻ [2]. Trong hai thập kỷ qua, số lượng cơ sở GDMN áp dụng phương pháp Montessori đã tăng lên đáng kể, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của các nhà giáo dục và phụ huynh đối với phương pháp này [3], [4]. Nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN cũng ngày càng thu hút sự chú ý của cộng đồng khoa học. Các nghiên cứu gần đây đã tập trung vào nhiều khía cạnh đa dạng, bao gồm hiệu quả của phương pháp, so sánh với các phương pháp GDMN khác và tác động lâu dài đối với sự phát triển nhận thức, xã hội và cảm xúc của trẻ [5], [6]. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ em học theo phương pháp Montessori thể hiện kết quả tích cực trong nhiều lĩnh vực phát triển, bao gồm kỹ năng xã hội, khả năng tự điều chỉnh và thành tích học tập [7], [8].

Phân tích trắc lượng thư mục đã được chứng minh là phương pháp hữu ích để đánh giá sự phát triển của một lĩnh vực nghiên cứu theo thời gian, xác định các xu hướng chính và những khoảng trống trong nghiên cứu [9], [10]. Trong lĩnh vực GDMN, phương pháp này đã được sử dụng hiệu quả để phân tích xu hướng nghiên cứu trong nhiều chủ đề khác nhau và có sự gia tăng đáng kể trong số lượng nghiên cứu tổng quan toàn diện về xu hướng, phạm vi và trọng tâm của các nghiên cứu trong lĩnh vực này [11]-[15]. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào áp dụng phương pháp này để phân tích tổng quan các nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN dựa trên dữ liệu Scopus từ năm 1912 đến 2024. Điều này tạo ra một khoảng trống quan trọng trong hiểu biết về tình hình nghiên cứu phương pháp Montessori trong GDMN [16].

Nghiên cứu tiến hành phân tích trắc lượng thư mục toàn diện các nghiên cứu liên quan đến phương pháp Montessori trong GDMN nhằm hướng tới việc xác định xu hướng công bố và sự đóng góp của các quốc gia, đánh giá những tác giả và nghiên cứu có ảnh hưởng lớn nhất; lượng hoá các chủ đề nghiên cứu chính và sự phát triển của chúng theo thời gian. Nghiên cứu này sẽ cung cấp một bức tranh tổng thể về tình hình nghiên cứu phương pháp Montessori trong GDMN. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp xác định xu hướng nghiên cứu hiện tại, mà còn hỗ trợ các nhà giáo dục và hoạch định chính sách trong việc đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng về việc áp dụng và phát triển phương pháp Montessori trong môi trường GDMN.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phân tích trắc lượng thư mục là phương pháp định lượng được sử dụng để đánh giá và phân tích các xu hướng trong một lĩnh vực nghiên cứu cụ thể dựa trên dữ liệu thư mục [17]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phân tích trắc lượng thư mục từ dữ liệu Scopus để đánh giá tổng quan về các công trình nghiên cứu liên quan đến phương pháp Montessori trong GDMN, một trong những cơ sở dữ liệu trích dẫn và tóm tắt lớn nhất, bao gồm các tạp chí được đánh giá ngang hàng, sách và kỷ yếu hội nghị để thu thập các công trình nghiên cứu liên quan.

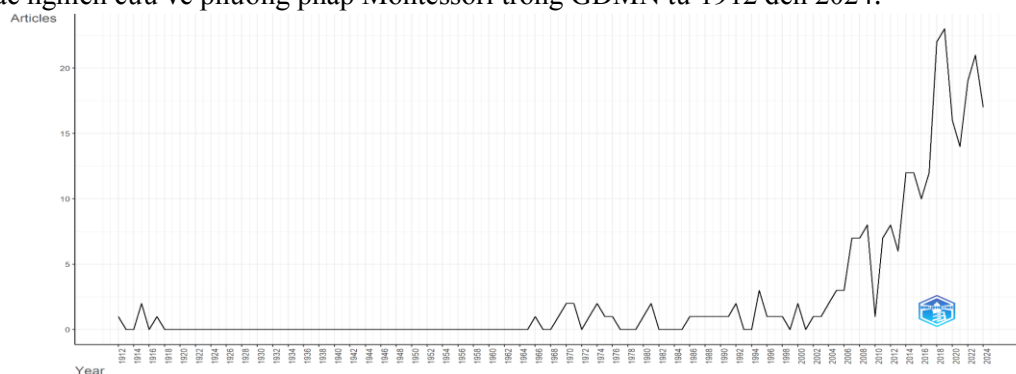
Chiến lược tìm kiếm dữ liệu được xây dựng dựa trên các từ khóa liên quan đến phương pháp Montessori và GDMN. Cụ thể, chúng tôi sử dụng chuỗi tìm kiếm sau: TITLE-ABS-KEY (((("Montessori") AND ("preschool*" OR "pre-school*" OR "kindergarten*" OR "early childhood" OR "young child*" OR "nursery school" OR "pre-k" OR "young child*" OR "early years" OR "toddler*" OR "pre-primary" OR "pre-elementary")))). Chuỗi tìm kiếm được thiết kế để bao quát tối đa các nghiên cứu liên quan đến phương pháp Montessori trong GDMN và đã truy xuất được 313 bài báo dựa trên các tiêu chí bao gồm: (a) các bài báo nghiên cứu gốc, chương sách hoặc bài tổng quan; (b) xuất bản bằng tiếng Anh; (c) tập trung vào phương pháp Montessori trong GDMN. Sau khi loại bỏ các kết quả không liên quan với các tiêu chí loại trừ bao gồm: (a) các bài báo không liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu; (b) các bài báo không có đủ thông tin để phân tích. Sau khi áp dụng các tiêu chí này, nghiên cứu thu được mẫu cuối cùng gồm 266 bài báo để phân tích.

Dữ liệu thu thập được phân tích thông qua việc sử dụng phần mềm VOSviewer phiên bản 1.6.20. và 3 gói phân tích trắc lượng bibliometrix: 1) Xác định số lượng ấn phẩm công bố theo năm và tính toán số lượng công bố của mỗi quốc gia để xác định xu hướng nghiên cứu. 2) Phân tích trích dẫn để xác định số tác giả đóng góp nổi bật được xếp hạng dựa trên số lượng ấn phẩm, chỉ số Scopus H-index và tổng số trích dẫn. 3) Phân tích 37 từ khóa xuất hiện ít nhất 3 lần và sự phân bố của chúng theo thời gian để xác định và phân loại các chủ đề nghiên cứu chính. Sử dụng phân tích trắc lượng cho phép nghiên cứu cung cấp một bức tranh toàn diện, đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu về tình hình nghiên cứu phương pháp Montessori trong GDMN. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phân tích trắc lượng thư mục, mặc dù cung cấp một cái nhìn tổng quan hữu ích, không thể thay thế cho việc đánh giá chi tiết về nội dung và chất lượng của từng nghiên cứu.

3. Nội dung

3.1. Tần suất xuất bản và phân bố các nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN

Thông kê số lượng bài báo qua các năm thể hiện ở Hình 1 cho thấy có 4 giai đoạn trong công bố các nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN từ 1912 đến 2024.



Hình 1. Số lượng ấn phẩm qua các năm

1) Giai đoạn (1912-1918): Tần suất công bố ít (1-2 bài/năm) phản ánh giai đoạn Maria Montessori bắt đầu phổ biến phương pháp này. Các ấn phẩm đầu tiên viết về những phản hồi ban đầu về phương pháp Montessori từ cộng đồng giáo dục. Bài viết mô tả về trường mẫu giáo cải tiến do Maria Montessori lập ra 'Casa dei Bambini'. Trong “Ngôi nhà trẻ thơ”, Montessori kết hợp kinh nghiệm thực tế với kiến thức lý thuyết và thiết lập hệ thống các hoạt động gắn liền với các bộ giáo cụ dựa trên quan niệm thực sự về các giai đoạn nhạy cảm và trí tuệ thẩm thấu của trẻ. Sự xuất hiện của các công bố tổng quan về Tâm lý và Sự phạm đánh giá các ấn phẩm về phương pháp Montessori trong khoảng thời gian từ (1913-1918) cho thấy phương pháp này vẫn tiếp tục được sự quan tâm thể hiện ở việc một số cuốn sách và bài báo được công bố mới đề cập đến các khía cạnh của tâm lý trẻ em, bao gồm vui chơi của trẻ, ngôn ngữ, giác quan, giáo dục tự nhiên, các chủ đề đặc biệt bao gồm sở thích của trẻ và nghiên cứu thực nghiệm.

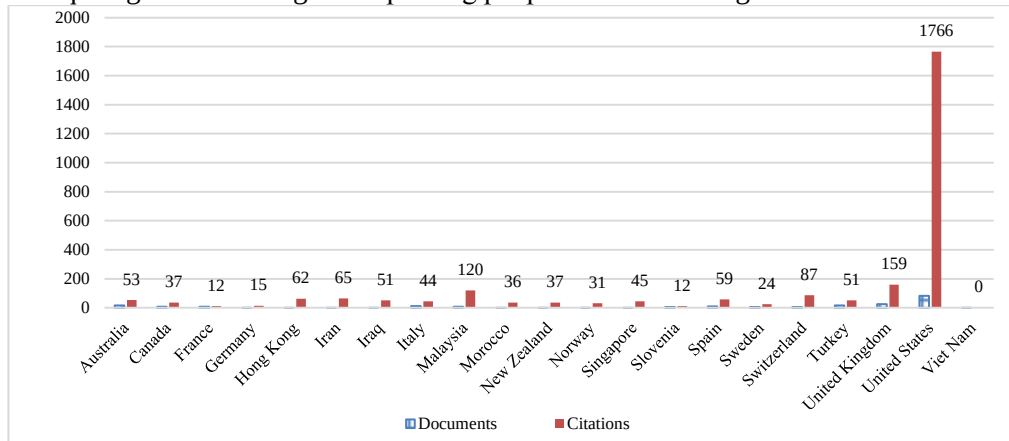
2) Giai đoạn (1918-1964): Không có công bố nào liên quan đến các nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN. Nguyên nhân chính cho sự vắng mặt các công bố là do chịu ảnh hưởng của hai cuộc Thế chiến và thời kỳ Đại suy thoái, phương pháp Montessori gặp phải sự hoài nghi hoặc phản đối từ các nhà giáo dục truyền thống, sự hạn chế trong việc lưu trữ và số hóa bài báo.

3) Giai đoạn (1965-2010): sự xuất hiện trở lại của các công bố từ năm 1965 đánh dấu sự phát triển các công bố về phương pháp Montessori trong GDMN. Tần suất công bố ổn định (2-5 bài/năm) cho thấy sự quan tâm trở lại đối với phương pháp này trong bối cảnh đổi mới giáo dục sau Thế chiến II, sự phát triển và áp dụng rộng rãi hơn của phương pháp Montessori trên toàn cầu.

4) Giai đoạn (2011-2024): Sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tần suất công bố (từ 7 bài năm 2011 lên 25 bài năm 2019) phản ánh sự quan tâm ngày càng tăng đối với các phương pháp Montessori

trong bối cảnh đổi mới GDMN; sự công nhận ngày càng rộng rãi về hiệu quả của phương pháp này; sự phát triển của công nghệ và khoa học thần kinh cung cấp cơ sở khoa học cho nhiều nguyên tắc của Montessori; xu hướng toàn cầu hóa trong giáo dục,... tạo điều kiện cho việc trao đổi và nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN.

Về sự phân bố các nghiên cứu theo quốc gia và vùng lãnh thổ, dữ liệu Hình 2 cho thấy, toàn cầu có 57 quốc gia có các công bố về phương pháp Montessori trong GDMN.



Hình 2. Phân bố của các nghiên cứu theo quốc gia và vùng lãnh thổ tính theo số tác giả

Hoa Kỳ dẫn đầu về số lượng công bố, chiếm 40% tổng số các nghiên cứu, với 82 công bố và 1766 trích dẫn, vượt xa các quốc gia khác. Điều này được minh chứng bởi lịch sử lâu dài của phương pháp Montessori tại Hoa Kỳ, số lượng lớn các trường Montessori ở đây, nguồn lực nghiên cứu dồi dào và hệ thống giáo dục phát triển. Vương quốc Anh đứng thứ hai về số lượng bài báo (26) và trích dẫn (159), đồng thời cũng là quốc gia có tổng độ mạnh liên kết cao nhất (6). Úc, Canada, Italy mỗi nước đóng góp khoảng 5-10% tổng số công bố cho thấy sự quan tâm và đầu tư vào nghiên cứu Montessori ở các quốc gia này. Các nước đang phát triển như Thổ Nhĩ Kỳ, Malaysia cũng có đóng góp đáng kể. Điều này phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa trong GDMN và sự tìm kiếm các phương pháp giáo dục sáng tạo ở các quốc gia đang phát triển. Kết quả phân tích dữ liệu còn cho thấy tác động nghiên cứu không đồng đều ở một số quốc gia có số lượng công bố ít nhưng tỷ lệ trích dẫn cao như: Iran (65 trích dẫn/1 bài báo), Iraq (51 trích dẫn/1 bài báo). Một số nước như Thụy Sĩ, Malaysia có tác động đáng kể dù số lượng bài báo không nhiều. Nhiều quốc gia có số lượng bài báo và trích dẫn thấp như: Việt Nam, Brazil, Chile, Kazakhstan. Sự chênh lệch này phản ánh sự khác biệt về nguồn lực nghiên cứu, khả năng tiếp cận các tạp chí quốc tế, mức độ quan tâm hoặc áp dụng phương pháp Montessori trong GDMN giữa các quốc gia khác nhau.

3.2. Tác giả có đóng góp nhiều nhất trong nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN

Bảng 1. 9 tác giả có đóng góp nhiều nhất trong nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN

Tác giả	Scopus H-index	Tổng trích dẫn	Số bài báo	Năm công bố ấn phẩm đầu tiên
LILLARD A.S.	4	213	5	2011
GENTAZ E.	2	65	2	2019
BONE J.	3	41	3	2008
ANSARI A.	2	41	2	2014
ABDELWAHED E.H.	2	36	3	2018
DELUCA C.	2	25	2	2014
DEVRIES R.	2	21	2	1987
FRIERSON P.R.	2	18	2	2014
FEEZ S.	2	12	2	2018

Bảng 1 trình bày danh sách các tác giả có đóng góp nhiều nhất trong nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN cho thấy, Lillard A.S. là tác giả có ảnh hưởng lớn nhất với chỉ số

Scopus H-index cao nhất (4), số bài báo cao nhất (5) và tổng số trích dẫn vượt trội (213). Điều này cho thấy Lillard A.S. có công bố không chỉ được trích dẫn nhiều mà còn có tác động bền vững về lĩnh vực nghiên cứu này, đồng thời còn phản ánh tốc độ tích lũy trích dẫn nhanh chóng của tác giả.

DeVries R. là một trong những tác giả tiên phong trong nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN, có thời gian công bố lâu nhất (từ 1987) và kéo dài qua nhiều thập kỷ với Scopus H-index (2) và tổng số trích dẫn (21). Các công trình của Gentaz E. dù mới xuất hiện gần đây, đã nhanh chóng thu hút và có tác động lớn trong cộng đồng nghiên cứu với tổng số trích dẫn cao (65) dù chỉ có 2 bài báo bắt đầu công bố từ 2019. Ansari A. và DeLuca C. đều có đóng góp với tác động tương đối ổn định khi cùng bắt đầu công bố từ 2014, có số lượng trích dẫn lần lượt (41, 25) và Scopus H-index (2) tương đương nhau. Bone J. có ảnh hưởng lâu dài, với các công trình được công bố sớm hơn so với nhiều tác giả khác với Scopus H-index (3), tổng số trích dẫn (41) và 3 bài báo được công bố từ năm 2008. Abdelwahed E.H. là tác giả đang nổi bật lên với tốc độ tích lũy trích dẫn nhanh Scopus H-index (2) và số bài báo (3) tương đối cao so với thời gian ngắn (từ 2018), tổng số trích dẫn đáng kể (36). Feez S. và Frierson P.R. cùng có Scopus H-index là 2 và số lượng trích dẫn khác nhau (12 và 18), họ là những tác giả có đóng góp đáng chú ý, dù tác động của họ có thể chưa lớn bằng một số tác giả khác trong danh sách. Sự đa dạng trong cộng đồng nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN phản ánh một phần tác động lâu dài và nhanh chóng của các tác giả. Việc đánh giá toàn diện các đóng góp sẽ được xem xét thêm thông qua phân tích dữ liệu nội dung cụ thể của các nghiên cứu, ảnh hưởng thực tế đến thực tiễn giáo dục và vai trò của các tác giả trong việc phát triển lý thuyết và ứng dụng phương pháp Montessori.

3.3. Những nghiên cứu có tác động lớn nhất trong lĩnh vực nghiên cứu

Các công bố có tác động lớn nhất trong nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN tính theo tổng lượt trích dẫn được trình bày ở Bảng 2 cho thấy, nghiên cứu của Lillard nổi bật với tổng số trích dẫn cao nhất (29) và chỉ số trích dẫn chuẩn hóa là 6,57. Công trình nghiên cứu này đã cung cấp một đóng góp lớn trên phương diện đánh giá toàn diện về hiệu quả của phương pháp Montessori trong GDMN. Tác động lớn của nghiên cứu này phản ánh xu hướng tập trung vào việc đánh giá hiệu quả của phương pháp Montessori thông qua các nghiên cứu thực nghiệm và so sánh.

Bảng 2. Những công bố có tác động lớn nhất về nghiên cứu phương pháp Montessori trong GDMN

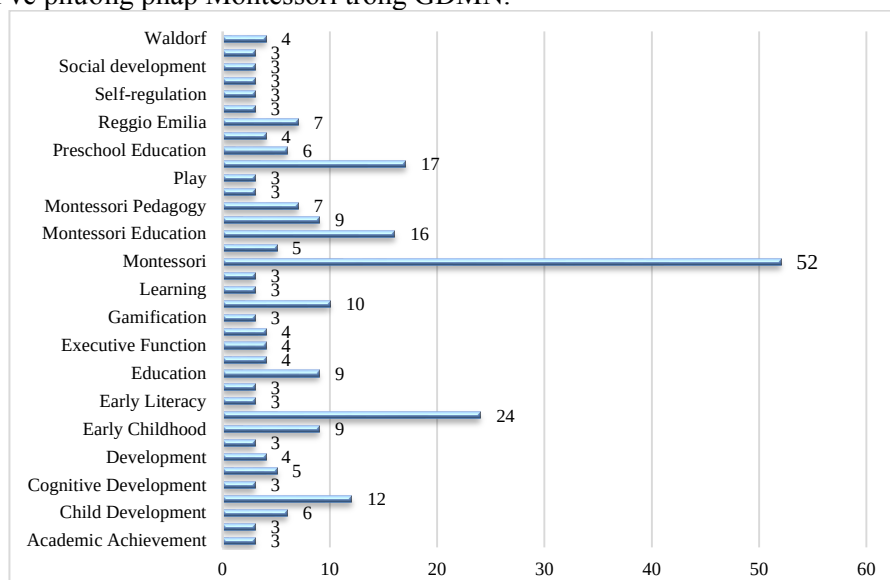
Bài báo	DOI	Tổng trích dẫn	Trích dẫn hằng năm	Hệ số trích dẫn chuẩn hóa
LILLARD A.S., 2012, J. SCH PSYCHOL	10.1016/j.jsp.2012.01.001	29	7,25	6,56
LILLARD A., 2006, SCIENCE	10.1126/science.1132362	21	3,00	2,72
ANSARI A., 2014, J. EDUC PSYCHOL	10.1037/a0036799	10	7,50	4,48
COX M.V., 2000, BR J. EDUC PSYCHOL	10.1348/000709900158263	8	1,60	1,59
FLYNN T.M., 1991, EARLY CHILD DEV. CARE	10.1080/0300443910720111	7	1,00	1,00
KAYILI G., 2018, EARLY CHILD DEV. CARE	10.1080/03004430.2016.1217849	6	18,86	3,98
LILLARD A.S., 2011, MINDFULNESS	10.1007/s12671-011-0045-6	6	4,20	0,95
RULE A.C., 2002, J. EARLY CHILD EDUC.	10.1023/A:1016533729704	5	1,00	1,00

Nghiên cứu của Kayili có tổng số trích dẫn hằng năm cao nhất (18,86), với số lượng trích dẫn (8), hệ số trích dẫn chuẩn hóa (3,98). Công bố này tập trung phân tích các tác động đến các mặt nhận thức của mẫu giáo trong mô hình giáo dục Montessori và được sự quan tâm của cộng đồng nghiên cứu khi sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Các nghiên cứu khác có đóng góp

đáng kể với số lượng trích dẫn từ 5 đến 7 chú trọng khám phá các khía cạnh khác nhau trong nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN như: Nghiên cứu của Cox về đánh giá tác động của ba phương pháp giáo dục khác nhau đến khả năng vẽ của trẻ em: Steiner, Montessori và truyền thống, với số trích dẫn (8), hệ số trích dẫn chuẩn hóa (1,59); Nghiên cứu của Flynn về tác động của phương pháp Montessori đến việc phát triển các kỹ năng xã hội, cá nhân và nhận thức của trẻ mẫu giáo trong các chương trình Montessori và mẫu giáo truyền thống; Nghiên cứu của Rule về tác động của hoạt động thực hành cuộc sống đến kỹ năng vận động tinh của trẻ mẫu giáo. Kết quả trên phản ánh tính đa chiều của nghiên cứu về Montessori, bao gồm các khía cạnh về sự phát triển toàn diện của trẻ. Việc xác định các công bố có ảnh hưởng lớn nhất không chỉ giúp nhận diện những nghiên cứu mang tính bước ngoặt mà còn cung cấp cái nhìn tổng quan về các xu hướng và chủ đề quan trọng về giáo dục Montessori. Những phát hiện này có thể giúp định hướng cho các nghiên cứu trong tương lai, đồng thời nhấn mạnh nhu cầu tiếp tục nghiên cứu sâu rộng về tác động lâu dài của phương pháp Montessori trong các bối cảnh văn hóa và giáo dục khác nhau.

3.4. Các nội dung nghiên cứu chính về phương pháp Montessori trong GDMN

Phân tích từ khóa đồng xuất hiện cho phép chúng tôi xác định và phân loại các chủ đề nghiên cứu chính về phương pháp Montessori trong GDMN.



Hình 3. Số lần 37 từ khóa xuất hiện ít nhất 3 lần

Kết quả mạng lưới 37 từ khóa xuất hiện ít nhất 3 lần ở Hình 3 cho thấy một số chủ đề nghiên cứu nổi bật như sau:

1) Vai trò và mối quan hệ chặt chẽ giữa phương pháp Montessori và GDMN: Từ khóa "Montessori" xuất hiện nhiều nhất (52 lần) với tổng liên kết mạnh nhất (77), cho thấy đây là chủ đề trung tâm trong các nghiên cứu. Từ khóa "Early Childhood Education" phổ biến thứ hai với (24 lần) xuất hiện, tổng liên kết (43). Điều này khẳng định vai trò quan trọng và mối quan hệ chặt chẽ giữa phương pháp Montessori và GDMN nói chung.

2) Môi trường giáo dục và học tập theo phương pháp Montessori: Từ khóa "Environment" xuất hiện (4 lần) với tổng liên kết mạnh (10) phản ánh tầm quan trọng của môi trường học tập trong phương pháp Montessori. Các từ khóa "Preschool" (17 lần), "Kindergarten" (10 lần) và "Early Childhood" (9 lần) xuất hiện phản ánh các chủ đề nghiên cứu về việc áp dụng phương pháp Montessori trong các môi trường GDMN khác nhau.

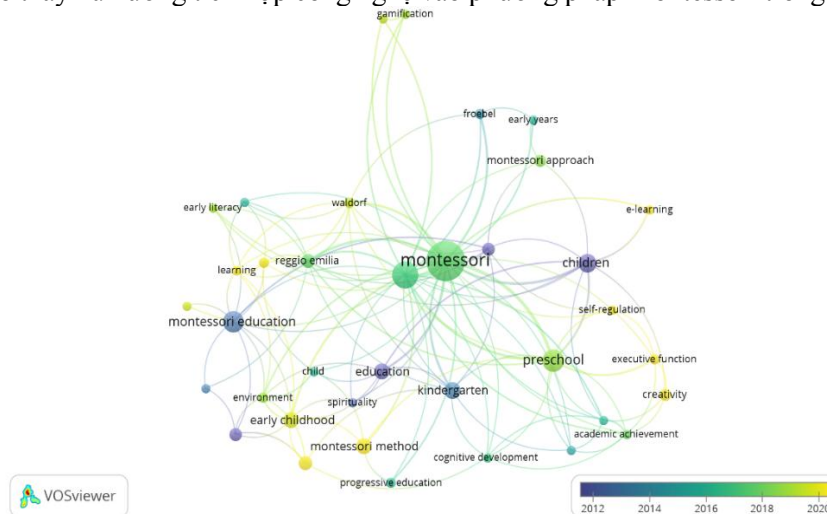
3) Phương pháp và triết lý Montessori: Các từ khóa như "Montessori Education" (16 lần), "Montessori Method" (9 lần) và "Montessori Pedagogy" (7 lần) cho thấy sự quan tâm đến các khía cạnh cụ thể của phương pháp Montessori trong GDMN.

4) So sánh với các phương pháp khác: Các từ khoá "Reggio Emilia" (7 lần), "Waldorf" (4 lần) với tổng liên kết mạnh (20 và 13) cho thấy xu hướng so sánh giữa các phương pháp GDMN.

5) Sự phát triển của trẻ em: một trọng tâm quan trọng khác trong các nghiên cứu là tác động của phương pháp Montessori đối với sự phát triển xã hội và cảm xúc của trẻ. Các từ khóa như "Child Development" (6 lần), "Cognitive Development" (3 lần), và "Social Development" (3 lần), "emotional development" (3 lần), "Spirituality" (3 lần) phản ánh quan điểm toàn diện của phương pháp Montessori về sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non.

6) Sáng tạo và tự điều chỉnh: Sự xuất hiện của "Creativity" (5 lần), "executive function" (4 lần) và "Self-regulation" (3 lần) cho thấy sự chú ý đến các chủ đề nghiên cứu về các khả năng quan trọng mà phương pháp Montessori có thể phát triển ở trẻ mầm non.

7) Công nghệ và giáo dục: Các từ khóa "E-Learning", "Gamification" và "Serious Games" xuất hiện (3 lần) cho thấy xu hướng tích hợp công nghệ vào phương pháp Montessori trong GDMN.



Hình 4. Bản đồ mạng lưới 37 từ khóa xuất hiện theo năm

Mối liên kết giữa "Montessori method" với "Reggio Emilia", "Waldorf", và "Froebel" ở Hình 4 thể hiện xu hướng nghiên cứu so sánh và đánh giá khả năng tích hợp các yếu tố tích cực từ nhiều phương pháp để tạo ra mô hình giáo dục hiệu quả. Sự kết nối giữa các từ khóa "Montessori" với "children", "early childhood", "preschool", "kindergarten" và "environment" cho thấy các chủ đề nghiên cứu tập trung vào việc thiết kế môi trường và cách thích ứng cho các cấp độ khác nhau ở trẻ mầm non. Các từ khóa "early literacy", "cognitive development", "creativity", "self-regulation", "executive function" được kết nối bởi các hướng nghiên cứu về tác động đa chiều của phương pháp Montessori lên sự phát triển toàn diện của trẻ. Sự quan tâm đến việc nuôi dưỡng không chỉ kiến thức mà còn cả kỹ năng sống, khả năng tư duy của trẻ và nhiều chỉ số phát triển khác nhau. Mối liên hệ giữa "Montessori approach", "Montessori method" và "Montessori education" chỉ ra sự gắn kết và chuyển hóa lý thuyết Montessori thành thực tiễn giáo dục; nhu cầu nghiên cứu về cách thức triển khai hiệu quả phương pháp này trong GDMN. Các từ khóa "gamification", "e-learning" ở ngoại vi mạng lưới cho thấy xu hướng mới trong việc kết hợp công nghệ với phương pháp Montessori truyền thống, nhu cầu nghiên cứu về cách thức áp dụng các công cụ học tập số hóa trong khuôn khổ giáo dục theo phương pháp Montessori và tiềm năng của việc mở rộng phạm vi tiếp cận của phương pháp này thông qua các nền tảng học tập trực tuyến cho trẻ ở lứa tuổi mầm non. Sự hiện diện của "academic achievement" cho thấy các hướng nghiên cứu đánh giá hiệu quả của phương pháp Montessori thông qua các chỉ số học tập cụ thể, xu hướng so sánh kết quả học tập của trẻ em được giáo dục theo phương pháp Montessori với các phương pháp khác và sự quan tâm đến việc cân bằng giữa phát triển kỹ năng mềm và thành tích học tập truyền thống. Triết lý và tư tưởng giáo dục thể hiện qua sự xuất hiện của "spirituality" và

"progressive education". Điều này phản ánh mối quan tâm đến khía cạnh tinh thần và phát triển nhân cách toàn diện trong giáo dục Montessori. Xu hướng nghiên cứu về cách thức tích hợp các giá trị tinh thần, tư tưởng tiến bộ vào thực tiễn GDMN, góp phần công nhận rằng giáo dục Montessori không chỉ là một phương pháp giảng dạy mà còn là một triết lý giáo dục toàn diện. Sự phát triển liên tục các nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN trong thập niên gần đây phản ánh sự vận động và thích ứng liên tục của phương pháp này trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Mạng lưới từ khóa xuất hiện không chỉ phản ánh sự đa dạng và phức tạp của nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN, mà còn cho thấy sự phát triển động của lĩnh vực này.

4. Kết luận

Nghiên cứu cung cấp tổng quan tình hình nghiên cứu về phương pháp Montessori trong GDMN giai đoạn 1912-2024. Kết quả cho thấy các nghiên cứu ở lĩnh vực này đã có những bước tiến đáng kể, đặc biệt là giai đoạn bùng nổ gần đây (2011-2024), phản ánh sự quan tâm ngày càng tăng đối với phương pháp này trong bối cảnh đổi mới GDMN toàn cầu. Phân tích tác giả và trích dẫn đã xác định được một số nhà nghiên cứu có ảnh hưởng trong lĩnh vực này. Sự đóng góp đáng kể của họ đã tạo nên sự đa dạng trong các chủ đề nghiên cứu, từ đánh giá hiệu quả tổng thể của phương pháp Montessori đến các khía cạnh cụ thể như phát triển nhận thức, xã hội và cảm xúc của trẻ ở lứa tuổi mầm non. Tuy nhiên, đặt kết quả nghiên cứu so với tổng thể các nghiên cứu khác về GDMN, số lượng nghiên cứu về lĩnh vực này vẫn còn khiêm tốn, số lượng tác giả có nhiều công bố còn hạn chế, điều này cho thấy tiềm năng phát triển cho các nghiên cứu trong tương lai và nhu cầu thu hút thêm nhiều nhà nghiên cứu tham gia. Các công bố có xu hướng so sánh phương pháp Montessori với các phương pháp GDMN khác cho thấy xu hướng tiếp cận giáo dục hoà hợp các phương pháp GDMN tiên tiến, lấy trẻ làm trung tâm. Các chủ đề nổi bật trong các công bố phản ánh sự phát triển và thích ứng của phương pháp Montessori trong GDMN ở bối cảnh giáo dục hiện đại. Để thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực, các nghiên cứu trong tương lai nên tập trung vào: 1) Tác động lâu dài của phương pháp Montessori đối với sự phát triển của trẻ; 2) Tích hợp công nghệ hiện đại và giáo dục nghệ thuật trong môi trường giáo dục Montessori; 3) Đánh giá tác động của phương pháp Montessori trong các bối cảnh văn hóa và kinh tế-xã hội khác nhau; 4) Nghiên cứu vai trò và quá trình đào tạo giáo viên trong phương pháp Montessori; 5) So sánh liên văn hóa để hiểu rõ hơn về việc áp dụng phương pháp Montessori trong các bối cảnh khác nhau; 6) Hợp tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực nghiên cứu.

Lời cảm ơn

Công trình này nhận hỗ trợ từ Quỹ khoa học & công nghệ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, mã số đề tài T2024-TN-06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Montessori, *The Montessori Method*. New York: Schocken Books, 2004.
- [2] A. S. Lillard and V. A. McHugh, "Authentic Montessori: The Dottorissa's View at the End of Her Life Part I The Environment," *Journal of Montessori Research*, vol. 5, no. 1, pp. 1-18, January 2020.
- [3] M. Debs and K. E. Brown, "Students of color and public Montessori schools: A review of the literature," *Journal of Montessori Research*, vol. 3, no. 1, pp. 1-15, May 2017.
- [4] A. S. Lillard, M. J. Meyer, D. Vasc, and E. Fukuda, "An Association Between Montessori Education in Childhood and Adult Wellbeing," *Frontiers in Psychology*, vol. 12, pp. 1-18, November 2021.
- [5] A. S. Lillard, M. J. Heise, E. M. Richey et al., "Montessori preschool elevates and equalizes child outcomes: A longitudinal study," *Frontiers in Psychology*, vol. 8, pp. 1783-1802, October 2017.
- [6] G. Kayılı, "The Effect of Montessori Method on Cognitive Tempo of Kindergarten Children," *Early Child Development and Care*, vol. 188, no. 3, pp. 327-335, January 2018.
- [7] A. Ansari and A. Winsler, "The long-term benefits of Montessori Pre-K for Latinx children from low-income families," *Early Child Development and Care*, vol. 26, no. 4, pp. 1-15, June 2020.
- [8] A. S. Lillard, "Montessori as an alternative early childhood education," *Early Child Development and Care*, vol. 191, no. 7-8, pp. 1196-1206, October 2020.

-
- [9] N. J. van Eck and L. Waltman, "Visualizing Bibliometric Networks," In Y. Ding, R. Rousseau, and D. Wolfram (Eds.), *Measuring scholarly impact: Methods*, vol. 1. Springer, January 2014, pp. 285-320.
- [10] H. Chen and V. Jhanji, "Survey of systematic reviews and meta-analyses published in ophthalmology," *The British Journal of Ophthalmology*, vol. 96, no. 6, pp. 896-905, March 2012.
- [11] Y. L. Huang, Y. S. Ho, and K. Y. Chuang, "Bibliometric analysis of nursing research in Taiwan 1991-2004," *Journal of Nursing Research*, vol. 14, no. 1, pp. 75-81, March 2006.
- [12] M. ÇELİK, "A Bibliometric Analysis of Early Childhood Education Research: 1976-2022," *Manisa Celal Bayar Üniversitesi Egitim Fakültesi Dergisi*, vol. 10, no. 1, pp. 66-81, June 2022.
- [13] A. Kırksekiz and S. Kol, "A bibliometric analysis of early childhood education studies on the theme of robotic coding from a developmental perspective," *International Journal of Educational Research Review*, vol. 8, no. 4, pp. 879-888, August 2023.
- [14] D. R. Pendleton, "The NAMTA Montessori bibliography and research guide (3rd ed.)," *NAMTA Journal*, vol. 27, no. 2, pp. 1-12, May 2022.
- [15] J. Parham, "The Montessori Bibliography Online: A Resource for the Global Montessori Community," *Journal of Montessori Research*, vol. 8, no. 1, pp. 1-12, May 2022.
- [16] Z. Çakır and S. A. Yalçın, "Pre-school teacher candidates' views on stem applications based on the Montessori approach," *Turkish Online Journal of Qualitative Inquiry*, vol. 11, no. 3, pp. 344-368, July 2020.
- [17] M. Aria and C. Cuccurullo, "Bibliometrix: An R-tool for comprehensive science mapping analysis," *Journal of Informetrics*, vol. 11, no. 4, pp. 959-975, November 2017.